

Bản án số: 508/2023/DS-ST
Ngày: 18-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thu C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số A, đường số B, Tổ 10, ấp PH, xã PT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số C, đường số D, ấp PA, xã PT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 14 tháng 9 năm 2022, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thu C trình bày:

Do bà và ông Kh làm chung Công ty nên quen biết nhau. Ngày 06/9/2017, ông Kh có vay mượn bà số tiền 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng) để xoay sở làm ăn hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại tiền. Ông Kh có viết cam kết có mượn tiền. Quá thời gian 01 tháng đến hạn trả tiền nhưng ông Kh vẫn chưa trả lại tiền cho bà. Bà nhiều lần yêu cầu ông Kh trả tiền nhưng ông Kh có tình né tránh. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Kh có trách nhiệm

trả lại bà số tiền 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng). Khi bà cho ông Kh vay mượn chỉ đưa tiền cho cá nhân ông Kh và ông Kh ký nhận mượn tiền. Do đó bà chỉ yêu cầu cá nhân ông Kh có trách nhiệm trả tiền cho bà.

Bị đơn ông Lê Văn Kh đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2022, bà Phạm Thu C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc ông Lê Văn Kh trả số tiền là 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng), đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Lê Văn Kh có nơi cư trú tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn Kh đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu nên không xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Kh trả lại số tiền đã mượn theo giấy “Cam kết có mượn tiền” ngày 06/9/2017 là 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Căn cứ vào giấy “cam kết có mượn tiền” ngày 06/9/2017 do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của ông Lê Văn Kh xác nhận có mượn của bà Phạm Thu C số tiền là 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng), ông Kh có hẹn 01 tháng sau sẽ trả tiền cho bà C. Như vậy, ông Kh có mượn bà C số tiền 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng) là đúng sự thật. Bà C xác định ông Kh chưa trả tiền cho bà từ lúc mượn cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Kh đến Tòa án giải quyết những vấn đề phát sinh, tuy nhiên ông Kh không gửi tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với vụ kiện. Trong hồ sơ vụ án

không thể hiện ông Kh đã trả tiền cho bà C. Do đó, không có cơ sở xác định ông Kh đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông. Việc ông Kh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời kéo dài thời gian trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C.

Xét thấy, bà C chỉ yêu cầu cá nhân ông Kh trả bà số tiền 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng) mà không yêu cầu cá nhân nào khác liên đới chịu trách nhiệm với ông Kh do khi cho ông Kh mượn tiền, bà C chỉ giao tiền cho ông Kh và chỉ có ông Kh ký tên mượn tiền. Do đó Hội đồng xét xử chỉ buộc cá nhân ông Kh có trách nhiệm trả tiền cho bà C là phù hợp.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà C yêu cầu Tòa án buộc ông Kh trả số tiền 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 6, 7, 26, 30, 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thu C, buộc ông Lê Văn Kh có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng), trả ngay khi Bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Kh chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Kh còn phải trả cho bà C tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), buộc ông Kh phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.325.000đ (Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020710 ngày 15

tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.CC;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH.CC
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túy Phượng